

TÊN BỘ/NGÀNH/ĐỊA  
PHƯƠNG  
TÊN ĐƠN VỊ  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

....., ngày... tháng... năm ...

## ĐỀ XUẤT CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC VÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

### 1. Tên công nghệ/sản phẩm (CN/SP)

Công nghệ, sản phẩm đề xuất phải phù hợp với Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

- a) Tên công nghệ/sản phẩm.
- b) Mô tả công nghệ/sản phẩm.
- c) Các công nghệ lõi cần làm chủ.

### 2. Yêu cầu chung đối với CN/SP

- a) Giải bài toán Việt Nam (*Phục vụ mục tiêu quốc gia, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chính quyền địa phương 2 cấp, tăng năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội*).
- b) Khả năng thay thế nhập khẩu và tiềm năng xuất khẩu.
- c) Có năng lực cạnh tranh trên thị trường (*Khả năng thương mại hóa, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và được đánh giá độc lập, khả năng cạnh tranh về chất lượng và giá thành*).
- d) Quy mô thị trường nội địa (*Quy mô thị trường, tốc độ tăng trưởng, thị phần của doanh nghiệp, công suất sản xuất, số lượng sản phẩm (volume) đã cung cấp ra thị trường*).

### 3. Hiện trạng và mục tiêu nghiên cứu, phát triển và làm chủ CN/SP

#### a) Hiện trạng

- Mức độ sẵn sàng công nghệ theo TRL<sup>[1]</sup>:
- Mức độ làm chủ thiết kế (*theo tỷ lệ 100%*):
- Mức độ làm chủ tích hợp hệ thống thành sản phẩm (*theo tỷ lệ 100%*):
- Mức độ làm chủ các công nghệ lõi (*theo tỷ lệ 100%*), sản phẩm có những công nghệ lõi gì, khả năng làm chủ từng công nghệ:
- Tỷ lệ giá trị nội địa trong sản phẩm (*Giá trị nội địa/Tổng giá thành sản phẩm x 100%*):

#### b) Mục tiêu đến giai đoạn 2030 (*theo các mốc năm 2025 và đến năm 2027/2030*).

- Mức độ sẵn sàng công nghệ theo TRL:
  - Mức độ làm chủ thiết kế (*theo tỷ lệ 100%*):
  - Mức độ làm chủ tích hợp hệ thống thành sản phẩm (*theo tỷ lệ 100%*):
  - Mức độ làm chủ các công nghệ lõi (*theo tỷ lệ 100%*):
  - Tỷ lệ giá trị nội địa trong sản phẩm (*Giá trị nội địa/Tổng giá thành sản phẩm x 100%*):
- c) Giá trị mang lại so với chi phí đầu tư, gồm chi phí hỗ trợ của nhà nước.

#### **4. Năng lực nghiên cứu và sản xuất**

- a) Đội ngũ nghiên cứu, phát triển (*Nhân lực, chuyên gia có trình độ cao, kỹ sư giàu kinh nghiệm tham gia nghiên cứu, phát triển CN/SP*).
- b) Hạ tầng phục vụ nghiên cứu, phát triển (*Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm liên quan tới CN/SP ...*).
- c) Sở hữu trí tuệ: (*Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; Bản quyền phần mềm/Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả; Bằng bảo hộ giống cây trồng ...*).
- d) Sản xuất tại Việt Nam hay nước ngoài:

#### **5. Chi phí đầu tư nghiên cứu, phát triển CN/SP**

- a) Tổng kinh phí đầu tư dự kiến:
- b) Kinh phí của tổ chức/doanh nghiệp
  - Kinh phí đã đầu tư:
  - Kinh phí sẽ đầu tư:
- c) Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ Nhà nước (*không quá 30% đối với doanh nghiệp, không quá 100% đối với tổ chức; nhu cầu dự kiến năm 2025 và cho giai đoạn năm 2026 - năm 2027/2030*):
  - Kinh phí cho nghiên cứu, phát triển:
  - Kinh phí cho đầu tư hạ tầng nghiên cứu:
  - Kinh phí khác:

#### **6. Nhu cầu, đề xuất hỗ trợ từ Nhà nước**

Nêu cụ thể các đề xuất hỗ trợ để giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, hoàn thiện, làm chủ, đổi mới và thương mại hóa công nghệ, sản phẩm công nghệ theo các nội dung hỗ trợ cụ thể sau đây:

- a) Thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

- b) Hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ/sản phẩm, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo đối với công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.
- c) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị cho cơ sở thí nghiệm, nghiên cứu dùng chung.
- d) Đầu tư thực hiện dự án phát triển công nghệ chiến lược.
- e) Cơ chế thử nghiệm chính sách có kiểm soát (sandbox).
- f) Xây dựng, đề xuất, đo lường, đánh giá, tiêu chuẩn công nghệ/sản phẩm, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế.
- g) Cơ chế, chính sách khuyến khích mua sắm, sử dụng, ứng dụng công nghệ/sản phẩm.
- h) Đăng ký sở hữu trí tuệ, bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, bản quyền công nghệ/sản phẩm.
- i) Truyền thông trong và ngoài nước.
- k) Hợp tác quốc tế, giải mã, chuyển giao công nghệ. l) Hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh, gọi vốn đầu tư.
- m) Các nhu cầu khác.

## **7. Thông tin liên hệ**

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Mã định danh điện tử của tổ chức/doanh nghiệp:
- Điện thoại:
- Email:
- Địa chỉ liên hệ:

Chúng tôi cam đoan mọi thông tin cung cấp ở trên là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin này./.

....., ngày ... tháng ... năm ...  
**Đại diện tổ chức/doanh nghiệp**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

<sup>[1]</sup> Dựa trên Mức độ sẵn sàng công nghệ (Technology Readiness Levels - TRL) của NASA.